TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
CÔNG TY LÂM NGHIỆP PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 349/TB-CTLNPT

Phú Thọ, ngày 26 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc mời quan tâm, chào hàng tiêu thụ gỗ NLG cây đứng tại Công ty Lâm nghiệp Phú Thọ - Tổng công ty giấy Việt Nam (Lần 2)

Tổng công ty Giấy Việt Nam, Công ty lâm nghiệp Phú Thọ thông báo về việc mời quan tâm, chào hàng tiêu thụ gỗ Keo NLG như sau:

1. Nội dung mời quan tâm, chào hàng:

Chào hàng tiêu thụ gỗ cây đứng tại Công ty lâm nghiệp Phú Thọ.

Địa chỉ: Thôn Đồng Cỏ, xã Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ như sau:

*** Gói số: 02 - Ban Tam Thắng:**

- Diện tích trồng rừng: 11,8 ha, Diện tích khai thác: 10,8 ha.
- Sản lượng: 481,5 m^3; Củi: 68,0 ster.
- Đơn giá khởi điểm bình quân: 1.271.439 đồng/m^3.
- Đơn giá củi ấn định: 10.000 đồng/ster.
- Giá trị gỗ: 612.197.889 đồng; giá trị củi: 680.000 đồng
- Tổng giá trị: 612.877.889 đồng.
- Tiền đặt cọc: Tối thiểu 10% giá trị tài sản của gói số 02 tương ứng: 61.300.000 đồng (làm tròn).

*** Gói số: 03 - Ban Tam Thắng:**

- Diện tích trồng rừng: 6,2 ha, Diện tích khai thác: 5,6 ha.
- Sản lượng: 337,0 m^3; Củi: 41,2 ster.
- Đơn giá khởi điểm bình quân: 1.233.761 đồng/m^3.
- Đơn giá củi ấn định: 10.000 đồng/ster.
- Giá trị gỗ: 415.777.350 đồng; giá trị củi: 412.000 đồng
- Tổng giá trị: 416.189.350 đồng.
- Tiền đặt cọc: Tối thiểu 10% giá trị tài sản của gói số 03 tương ứng: 41.600.000 đồng (làm tròn).

+ Thời gian thực hiện hợp đồng: Bắt đầu từ ngày bàn giao tài sản, kết thúc trước ngày 31/12/2026.

2. Đối tượng đăng ký:

Các tổ chức, cá nhân quan tâm tham gia tiêu thụ gỗ cây đứng.

3. Thời gian đăng ký và nộp hồ sơ:

Từ ngày 26/11/2026 đến hết ngày 03/12/2026.

* Hồ sơ gồm:

- Đơn chào giá tiêu thụ gỗ (để trong phong bì niêm phong).

- Đối với tổ chức: Cung cấp giấy phép đăng ký kinh doanh tham gia tiêu thụ gỗ cây đứng (bản phô tô công chứng).

- Đối với cá nhân: Cung cấp Căn cước công dân (bản phô tô công chứng).

- Phiếu thu tiền cọc;

- Phiếu thu tiền mua hồ sơ;

- Phiếu trả giá.

- Hồ sơ nộp tại: Phòng tổng hợp - Công ty lâm nghiệp Phú Thọ.

4. Địa điểm và thời gian tổ chức lựa chọn đối tác tiêu thụ:

4.1. Địa điểm và thời gian nộp hồ sơ và nộp tiền đặt cọc:

Văn phòng Công ty lâm nghiệp Phú Thọ.

Địa chỉ: Thôn Đồng Cỏ, xã Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Thời gian: trước 16h30 ngày 03/12/2026.

4.2) Thời gian tổ chức lựa chọn:

Thời gian: Sau ngày hết hạn nộp hồ sơ 01 ngày.

Địa điểm: Văn phòng Công ty lâm nghiệp Phú Thọ.

Địa chỉ: Thôn Đồng Cỏ, xã Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

5. Ký kết hợp đồng:

Căn cứ Biên bản mở hồ sơ quan tâm chào giá của đối tác, người đứng đầu Công ty lâm nghiệp tổ chức ký Hợp đồng mua bán tài sản với đối tác theo quy định tại Giấy ủy quyền.

Mọi thông tin cụ thể chi tiết liên hệ: Bà Cao Thị Thanh Bình, Phó trưởng phòng Tổng hợp, Công ty lâm nghiệp Phú Thọ. Điện thoại: 0975.335.602.

Nơi nhận:
- Các đối tác quan tâm mua gỗ cây đứng;
- TGĐ Tổng công ty (b/cáo);
- UBND các xã nơi có diện tích rừng trồng được phê duyệt tiêu thụ;
- Phòng Kinh doanh (đăng tải trên trang thông tin điện tử của TCT);
- Lưu VT,KHLN.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC CÔNG TY LN PHÚ THỌ

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH CÔNG TY LÂM NGHIỆP PHÚ THỌ

Đỗ Quốc Tuấn

BIỂU TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG GỖ NLG - TIÊU THỤ CÂY ĐỨNG NĂM 2026
TẠI CÔNG TY LÂM NGHIỆP PHÚ THỌ - TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

(Kèm theo thông báo số: 349/TB-CTLNPT ngày 26/11/2026)

* Gói số 2 - Ban Tam Thắng:

Địa danh				Diện tích lô		LC/NT	Sản lượng					Cũi (ster)	Giá khởi điểm		Thành tiền(đồng)		Ghi chú
Đội SX cũ	Đội SX mới	Tên khoảnh	Tên lô	Trồng rừng (ha)	Khai thác (ha)		M/ lô	Chia ra					Gỗ	Cũi	Gỗ	Cũi	
								Vanh (30≤Ø<70)	A (25≤Ø<30)	B (19≤Ø<25)	Gỗ C 13≤Ø<19						
							(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)		(Đ/m3)	(Đ/Ster)	Đồng	Đồng	
2	13	27	2	0,9	0,9	Am/20	35,5	19,3	9,5	5,9	0,8	4,9	1.242.381	10.000	44.104.526	49.000	Gói 2
2	13	27	3	1,9	1,5	Am/20	58,2	37,5	12,3	7,4	1,0	8,6	1.311.168	10.000	76.309.978	86.000	Gói 2
2	13	27	4	1,4	1,3	Am/20	66,5	37,3	16,8	11,1	1,3	10,1	1.283.992	10.000	85.385.468	101.000	Gói 2
2	13	27	5	3,0	3,0	Am/20	151,0	81,4	38,5	27,9	3,2	24,7	1.245.347	10.000	188.047.397	247.000	Gói 2
2	13	27	7	1,5	1,5	Am/20	57,3	38,6	11,5	6,4	0,8	6,7	1.291.103	10.000	73.980.202	67.000	Gói 2
2	13	27	8	2,6	2,3	Am/20	110,2	70,6	23,8	14,1	1,7	12,5	1.279.981	10.000	141.053.906	125.000	Gói 2
2	13	27	9	0,5	0,3	Am/20	2,8	1,1	0,9	0,8	-	0,5	1.184.433	10.000	3.316.412	5.000	Gói 2
Cộng				**11,8**	**10,8**		**481,5**	**285,8**	**113,3**	**73,6**	**8,8**	**68,0**			**612.197.889**	**680.000**	



* Gói số 3 - Bản Tam Thắng:

Địa danh				Diện tích lô		LC/NT	Sản lượng					Củi (ster)	Giá khởi điểm		Thành tiền(đồng)		Ghi chú
Đội SX cũ	Đội SX mới	Tên khoảnh	Tên lô	Trồng rừng (ha)	Khai thác (ha)		M/ lô	Chia ra					Gỗ	Củi	Gỗ	Củi	
								Vanh (30≤Ø<70)	A (25≤Ø<30)	B (19≤Ø<25)	Gỗ C 13≤Ø<19						
							(m3)	(m3)	(m3)	(m3)	(m3)		(Đ/m3)	(Đ/Ster)	Đồng	Đồng	
8	15	33	17	2,2	2,1	Am/20	130,4	77,9	30,5	19,7	2,3	15,5	1.195.111	10.000	155.842.474	155.000	Gói 3
8	15	33	18	2,1	1,4	Am/20	84,6	54,7	17,9	10,6	1,4	9,0	1.254.974	10.000	106.170.800	90.000	Gói 3
8	15	0	0	0	0,2	Am/20	0,8	0,5	0,2	0,1	-	0,1	1.252.373	10.000	1.001.898	1.000	Gói 3
8	15	33	19	1,9	1,9	Am/20	121,2	70,2	30,0	19,0	2,0	16,6	1.260.414	10.000	152.762.177	166.000	Gói 3
Cộng				**6,2**	**5,6**		**337,0**	**203,3**	**78,6**	**49,4**	**5,7**	**41,2**			**415.777.350**	**412.000**	